

PHƯƠNG ÁN
Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại đô thị tại Chợ nông sản và khu dân cư thị
trần Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn (36 thửa đất)
(Kèm theo Quyết định số 2053/QĐ-UBND ngày 21/5/2025
của UBND huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn)

1. Danh mục loại đất, vị trí, diện tích và hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với các thửa đất đấu giá

1.1. Danh mục loại đất: Đất phi nông nghiệp.

1.2. Vị trí:

- Khu Minh Hòa, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- 36 thửa đất thuộc tờ bản đồ cơ sở dữ liệu đất đai số 29, 39 thị trấn Chi Lăng lập năm 2014 (Mảnh trích đo số 32-2024 do Công ty cổ phần đo đạc tư vấn Tài nguyên số 1 Lạng Sơn lập và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh nghiệm thu ngày 05/7/2024). Cụ thể như sau:

STT	Thửa số	Tiếp giáp				Ghi chú
		Phía Đông	Phía Tây	Phía Nam	Phía Bắc	
1	429	Tiếp giáp thửa số 430	Tiếp giáp thửa số 428	Tiếp giáp vỉa hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 427	
2	487	Tiếp giáp thửa số 486	Tiếp giáp thửa số 488	Tiếp giáp đất lưu không	Tiếp giáp vỉa hè và đường bê tông	
3	488	Tiếp giáp thửa số 363	Tiếp giáp thửa số 487	Tiếp giáp với phần đất của các hộ gia đình	Tiếp giáp vỉa hè và đường bê tông	
4	489	Tiếp giáp vỉa hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 363	Tiếp giáp thửa số 490	Tiếp giáp vỉa hè và đường bê tông	
5	490	Tiếp giáp vỉa hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 363	Tiếp giáp mương thoát nước	Tiếp giáp thửa số 489	
6	521	Tiếp giáp thửa số 548	Tiếp giáp vỉa hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 468	Tiếp giáp thửa số 457	
7	522	Tiếp giáp thửa số 469	Tiếp giáp vỉa hè và đường bê tông	Tiếp giáp vỉa hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 468	
8	526	Tiếp giáp với phần đất của các hộ gia đình	Tiếp giáp vỉa hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 527	Tiếp giáp thửa số 433	
9	527	Tiếp giáp với phần đất của các hộ gia đình	Tiếp giáp vỉa hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 528	Tiếp giáp thửa số 526	

10	528	Tiếp giáp với phần đất của các hộ gia đình	Tiếp giáp via hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 529	Tiếp giáp thửa số 527	
11	529	Tiếp giáp với phần đất của các hộ gia đình	Tiếp giáp via hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 530	Tiếp giáp thửa số 528	
12	530	Tiếp giáp với phần đất của các hộ gia đình	Tiếp giáp via hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 444 và phần đất của các hộ gia đình	Tiếp giáp thửa số 529	
13	531	Tiếp giáp via hè và đường bê tông	Tiếp giáp Chợ nông sản	Tiếp giáp thửa số 532	Tiếp giáp thửa số 442	
14	532	Tiếp giáp via hè và đường bê tông	Tiếp giáp Chợ nông sản	Tiếp giáp thửa số 443	Tiếp giáp thửa số 531	
15	533	Tiếp giáp via hè và đường bê tông	Tiếp giáp Chợ nông sản	Tiếp giáp thửa số 534	Tiếp giáp thửa số 443	
16	534	Tiếp giáp via hè và đường bê tông	Tiếp giáp Chợ nông sản	Tiếp giáp thửa số 535 và thửa 536	Tiếp giáp thửa số 533	
17	535	Tiếp giáp thửa số 536	Tiếp giáp Chợ nông sản	Tiếp giáp via hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 534	
18	536	Tiếp giáp via hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 535	Tiếp giáp via hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 534	
19	537	Tiếp giáp thửa số 538 và thửa 465	Tiếp giáp thửa số 464	Tiếp giáp thửa số 543	Tiếp giáp via hè và đường bê tông	
20	538	Tiếp giáp via hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 537	Tiếp giáp thửa số 472	Tiếp giáp thửa số 465	
21	539	Tiếp giáp thửa số 540	Tiếp giáp thửa số 471	Tiếp giáp via hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 461	
22	540	Tiếp giáp thửa số 541	Tiếp giáp thửa số 539	Tiếp giáp via hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 462	
23	541	Tiếp giáp thửa số 542	Tiếp giáp thửa số 540	Tiếp giáp via hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 463	
24	542	Tiếp giáp thửa số 543	Tiếp giáp thửa số 541	Tiếp giáp via hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 464	
25	543	Tiếp giáp thửa số 543 và thửa đất số 472	Tiếp giáp thửa số 542	Tiếp giáp via hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 537	
26	544	Tiếp giáp via hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 543	Tiếp giáp via hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa đất số 472	
27	571	Tiếp giáp thửa số 570 và thửa đất số 512	Tiếp giáp thửa số 424	Tiếp giáp via hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 569	
28	582	Tiếp giáp thửa	Tiếp giáp thửa	Tiếp giáp via hè	Tiếp giáp	

		số 583	số 350	và đường bê tông	thửa số 578	
29	583	Tiếp giáp thửa số 584	Tiếp giáp thửa số 582	Tiếp giáp vỉa hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 579	
30	584	Tiếp giáp thửa số 585	Tiếp giáp thửa số 583	Tiếp giáp vỉa hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 580	
31	586	Tiếp giáp thửa số 587	Tiếp giáp thửa số 584	Tiếp giáp vỉa hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 581 và thửa 488	
32	587	Tiếp giáp thửa số 588	Tiếp giáp thửa số 586	Tiếp giáp vỉa hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 449 và thửa 488	
33	588	Tiếp giáp thửa số 589	Tiếp giáp thửa số 587	Tiếp giáp vỉa hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 449 và thửa 450	
34	589	Tiếp giáp thửa số 466	Tiếp giáp thửa số 588	Tiếp giáp vỉa hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 451 và thửa 450	
35	593	Tiếp giáp vỉa hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 467	Tiếp giáp các thửa đất số 596, 595 và thửa 594	Tiếp giáp thửa số 529	
36	596	Tiếp giáp vỉa hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 595	Tiếp giáp vỉa hè và đường bê tông	Tiếp giáp thửa số 593	

1.3. Diện tích:

Tổng diện tích đất đấu giá là **3.428,2m²**, trong đó:

STT	Thửa số	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1	429	60,5	
2	487	101,2	
3	488	101,7	
4	489	101,9	
5	490	91,3	
6	521	105,3	
7	522	106,5	
8	526	60	
9	527	71,4	
10	528	68,1	
11	529	64,8	
12	530	69,2	
13	531	100,1	
14	532	100,2	
15	533	100,1	
16	534	100,1	
17	535	83	
18	536	92,7	

STT	Thửa số	Diện tích (m ²)	Ghi chú
19	537	102,6	
20	538	105,8	
21	539	102,4	
22	540	102,5	
23	541	102,5	
24	542	102,4	
25	543	102,4	
26	544	100,1	
27	571	100,3	
28	582	103	
29	583	103,1	
30	584	103,4	
31	586	103,9	
32	587	103,8	
33	588	103,9	
34	589	104,2	
35	593	103,6	
36	596	100,2	

1.4. Hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền đất

Trên thửa đất đấu giá không có hạ tầng, kỹ thuật gắn liền trên đất.

Các thửa đất đã được đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ đảm bảo các nhu cầu dân sinh: Đường nội bộ đổ bê tông rộng 10m và 7m; vỉa hè lát gạch rộng 3,0m; hệ thống thoát nước được xây dựng đúng quy chuẩn; hệ thống cấp nước sinh hoạt do Chi nhánh cấp nước quản lý; hệ thống điện hạ thế sinh hoạt; hệ thống cột đèn chiếu sáng công cộng dọc theo đường nội bộ.

2. Mục đích, hình thức giao đất, thời hạn sử dụng của các thửa đất khi đấu giá quyền sử dụng đất

2.1. Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị.

2.2. Hình thức giao đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất.

2.3. Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

3. Dự kiến thời gian tổ chức thực hiện đấu giá các thửa đất: Trong năm 2025.

4. Đối tượng và điều kiện được tham gia đấu giá; mức phí tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá: Theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 125 Luật Đất đai năm 2024; khoản 4 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản năm 2016; khoản 1, khoản 2 Điều 55 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

4.1. Tổ chức tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trong các trường hợp quy định phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Điều 119 và Điều 120 của Luật Đất đai năm 2024;

- Bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 122 của Luật Đất đai năm 2024 đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư; có năng lực, kinh nghiệm trong việc phát triển dự án;

- Điều kiện khác theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

- Bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 125 Luật Đất đai năm 2024;

- Nhóm công ty là tập đoàn kinh tế hoặc công ty mẹ, công ty con theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp khi tham gia đấu giá một thửa đất, khu đất hoặc một dự án gồm một hoặc nhiều thửa đất thì phải thỏa thuận để cử một công ty thuộc nhóm công ty tham gia đấu giá quyền sử dụng đất;

- Phải nộp tiền đặt trước bằng 20% tổng giá trị thửa đất, khu đất tính theo giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất;

- Không thuộc đối tượng bị cấm tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật;

- Đáp ứng điều kiện quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật về kinh doanh bất động sản đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án nhà ở, dự án kinh doanh bất động sản khác.

4.2. Cá nhân tham gia đấu giá quyền sử dụng đất phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất quy định tại Điều 119 và Điều 120 của Luật Đất đai năm 2024;

- Điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

- Bảo đảm các quy định tại khoản 4 Điều 125 Luật Đất đai năm 2024;

- Trường hợp cá nhân tham gia đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư thì phải cam kết thành lập tổ chức kinh tế bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 55 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ. Việc thành lập tổ chức kinh tế thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

4.3. Những người sau đây không được đăng ký tham gia đấu giá theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản năm 2016:

- Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

- Người làm việc trong tổ chức đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá; người trực tiếp giám định, định giá tài sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người trực tiếp giám định, định giá tài sản;

- Người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật;

- Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật;

- Người không có quyền mua tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật áp dụng đối với loại tài sản đó.

Có đơn đề nghị được tham gia đấu giá theo mẫu do tổ chức có chức năng đấu giá quyền sử dụng đất phát hành, trong đó có nội dung cam kết sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch khi trúng đấu giá.

4.4. Mức phí tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá

Tiền bán hồ sơ cho người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất, tiền đặt trước và xử lý tiền đặt trước thực hiện theo quy định tại Điều 39 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Dự kiến số kinh phí bán hồ sơ tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước

là 7.211.820.000 đồng (tiền bán hồ sơ cho người tham gia đấu giá 12.600.000 đồng; tiền đặt trước của người tham gia đấu giá là 7.199.220.000 đồng).

Việc sử dụng phí tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá được áp dụng theo Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản, Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

5. Hình thức đấu giá được áp dụng khi thực hiện cuộc bán đấu giá

5.1. Tổ chức đấu giá tài sản thỏa thuận với người có tài sản đấu giá lựa chọn một trong các hình thức sau đây để tiến hành cuộc đấu giá:

- Đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại cuộc đấu giá;
- Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá;
- Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp;
- Đấu giá trực tuyến;

Dự kiến thỏa thuận thực hiện bằng hình thức “Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp”.

5.2. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

6. Kinh phí, nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá

Kinh phí, nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá được sử dụng từ tiền bán hồ sơ cho người tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại và các nguồn kinh phí hợp lệ khác theo quy định của pháp luật.

Giao Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện lập dự toán kinh phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành (Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản ngày 27/6/2024; Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản; Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản; Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt Bộ đơn giá đo đạc, lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu

nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính áp dụng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn ...) trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt.

7. Dự kiến giá trị thu được và đề xuất việc sử dụng nguồn thu từ kết quả đấu giá

7.1. Dự kiến giá trị thu được tối thiểu là 35.996.100.000 đồng (*Ba mươi lăm tỷ, chín trăm chín mươi sáu triệu, một trăm nghìn đồng chẵn*), cụ thể:

STT	Thửa số	Diện tích (m ²)	Dự kiến giá khởi điểm (đồng)	Dự kiến tiền bán hồ sơ (đồng)	Dự kiến tiền đặt 20% giá khởi điểm (đồng)
1	429	60,5	635.250.000	200.000	127.050.000
2	487	101,2	1.062.600.000	400.000	212.520.000
3	488	101,7	1.067.850.000	400.000	213.570.000
4	489	101,9	1.069.950.000	400.000	213.990.000
5	490	91,3	958.650.000	200.000	191.730.000
6	521	105,3	1.105.650.000	400.000	221.130.000
7	522	106,5	1.118.250.000	400.000	223.650.000
8	526	60	630.000.000	200.000	126.000.000
9	527	71,4	749.700.000	200.000	149.940.000
10	528	68,1	715.050.000	200.000	143.010.000
11	529	64,8	680.400.000	200.000	136.080.000
12	530	69,2	726.600.000	200.000	145.320.000
13	531	100,1	1.051.050.000	400.000	210.210.000
14	532	100,2	1.052.100.000	400.000	210.420.000
15	533	100,1	1.051.050.000	400.000	210.210.000
16	534	100,1	1.051.050.000	400.000	210.210.000
17	535	83	871.500.000	200.000	174.300.000
18	536	92,7	973.350.000	200.000	194.670.000
19	537	102,6	1.077.300.000	400.000	215.460.000
20	538	105,8	1.110.900.000	400.000	222.180.000
21	539	102,4	1.075.200.000	400.000	215.040.000
22	540	102,5	1.076.250.000	400.000	215.250.000
23	541	102,5	1.076.250.000	400.000	215.250.000
24	542	102,4	1.075.200.000	400.000	215.040.000
25	543	102,4	1.075.200.000	400.000	215.040.000
26	544	100,1	1.051.050.000	400.000	210.210.000
27	571	100,3	1.053.150.000	400.000	210.630.000
28	582	103	1.081.500.000	400.000	216.300.000
29	583	103,1	1.082.550.000	400.000	216.510.000
30	584	103,4	1.085.700.000	400.000	217.140.000
31	586	103,9	1.090.950.000	400.000	218.190.000

32	587	103,8	1.089.900.000	400.000	217.980.000
33	588	103,9	1.090.950.000	400.000	218.190.000
34	589	104,2	1.094.100.000	400.000	218.820.000
35	593	103,6	1.087.800.000	400.000	217.560.000
36	596	100,2	1.052.100.000	400.000	210.420.000

7.2. Đề xuất việc sử dụng nguồn thu

Việc sử dụng nguồn thu do UBND huyện quyết định theo Công văn số 488/UBND-KTN ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh về việc sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp huyện và các văn bản quy định có liên quan.

8. Phương thức lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá

Đấu thầu công khai để lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá.

9. Đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất

Giao Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất, thực hiện các trình tự, thủ tục theo thẩm quyền. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND huyện thực hiện các thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

10. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản ngày 27/6/2024; Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều về biện pháp thi hành đấu giá tài sản; Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản; Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản./.